

Bản án số: 245/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2017

V/v tranh chấp: “Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thanh Trúc**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Lý Hồng Hạnh**

2/ Ông **Lý Văn Tìl**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Nguyễn Cửu Trọng**, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Bích Tuyền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (có mặt)

HKTT: Ấp Thới Hòa B, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

Tạm trú: Ấp Xẻo Trâm, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn:* Anh **Võ Thanh T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thới Hòa B, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 6 năm 2017 và lời khai tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Võ Thanh T được mai mối và gia đình hai bên tác hợp nên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Thới Thạnh. Thời gian đầu vợ chồng hạnh

phúc, đến năm 2012 khi chị sinh con thứ hai thì chị bị bệnh tim, anh T không chăm lo và bỏ mặc chị và gia đình chị xoay sở. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012, nay không còn tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Võ Tấn T, nam, sinh ngày 19/3/2009 và Võ Phước K, nam, sinh ngày 15/4/2012. Các cháu do anh T nuôi dưỡng nên chị giao con cho anh T, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Thanh T trình bày: Anh thống nhất với chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, khi T sinh con thứ hai thì bị bệnh nên mẹ chị T rước về nhà chăm sóc và sau đó thì kêu anh đem 20.000.000 đồng để trị bệnh cho chị T nhưng anh không có khả năng và từ đó vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian ly thân, anh bận nuôi con nhỏ và chăm sóc cha mẹ già nên không có điều kiện tìm chị T hàn gắn hôn nhân. Theo anh thì giữa anh và chị T không có mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Thanh T có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử vắng mặt anh T.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Thanh T sống chung sống với nhau từ năm 2007, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Theo lời trình bày của chị T và anh T, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T bị bệnh tim nhưng anh T không có khả năng về kinh tế nên chị T phải về nhà cha mẹ ruột điều trị và vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Vợ chồng không còn tình cảm nên chị T

yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T thì không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn. Xét thấy, trong thời gian ly thân, chị T và anh T không có thiện chí hàn gắn hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con chung, cả hai không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà hôm nay, chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án anh T đều vắng mặt không lý do và không có bất kỳ động thái nào thể hiện mong muốn hàn gắn hôn nhân với chị T. Nên yêu cầu được ly hôn của chị T là có căn cứ để xem xét chấp nhận và phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát.

Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Võ Tấn T, nam, sinh ngày 19/3/2009 và Võ Phước K, nam, sinh ngày 15/4/2012. Theo tờ tự khai của anh T (bút lục 11) mong muốn được tiếp tục nuôi con, chị T cũng đồng ý, cháu T có nguyện vọng ở với cha nên giao các cháu cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về T sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Võ Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Võ Tấn T, nam, sinh ngày 19/3/2009 và Võ Phước K, nam, sinh ngày 15/4/2012 cho anh Võ Thanh T nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thị T, không ai có quyền cản trở chị T thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 002103 ngày 03/7/2017 của Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Lê Thanh Trúc

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Hồng Hạnh

Lý Văn Til

Lê Thanh Trúc